TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **239**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Chiêm Ngọc G; Sinh năm: 2000; Địa chỉ cư trú: Khóm E, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn C; Sinh năm: 1993; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Chiêm Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lý Văn C tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 13/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gay gắt không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ tháng 6 năm 2023. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lý Bích T sinh ngày 15/8/2015 và Lý Thành B sinh ngày 07/9/2019 hiện đang sống cùng ông C. Khi ly hôn bà thống

nhất việc ông C tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Lý Văn C không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Chiêm Ngọc G và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chiêm Ngọc G, cho bà G ly hôn với ông Lý Văn C; về con chung: giao cháu Lý Bích T sinh ngày 15/8/2015 và cháu Lý Thành B sinh ngày 07/9/2019 cho ông C tiếp tục chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà Giàu có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà G phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Chiêm Ngọc Giàu C1 đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lý Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Chiêm Ngọc G và ông Lý Văn C tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 13/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà G yêu cầu được ly hôn với ông C do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Đối với ông C, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà G. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông C đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G về việc xin ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Bà G và ông C có 02 con chung tên Lý Bích T sinh ngày 15/8/2015 và Lý Thành B sinh ngày 07/9/2019. Tại biên bản xác minh ngày

26/7/2024, Trưởng ấp nơi cư trú của ông C xác định cháu T và cháu B đã cùng ông C đi khỏi địa phương nên Tòa án không thể ghi nhận được nguyện vọng của các cháu. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Lý Bích T và Lý Thành B cho ông C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Giàu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông C không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà G. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Chiêm Ngọc G xin ly hôn với ông Lý Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Lý Bích T sinh ngày 15/8/2015 và cháu Lý Thành B sinh ngày 07/9/2019 cho ông C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Giàu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Chiêm Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà G đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001469 ngày 26/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà G, ông C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Ý